TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:34/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nam Hải;

2. Ông Nguyễn Ban.

- Thư ký phiên toà: bà Hà Lê Như Quỳnh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà*:** bà Đỗ Thị Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm: 1993; cư trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn T, xã Đ, thị xã, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21/11/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị G trình bày:

Bà Lê Thị G và ông Nguyễn Như T kết hôn với nhau vào ngày 20/10/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia

đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm với vợ, con. Cả hai vợ chồng cũng có cố gắng tìm mọi cách để duy trì, hàn gắn nhưng cũng không thể giải quyết được mâu thuẫn. Từ tháng 7/2017, bà G đã về nhà cha mẹ ruột của mình sinh sống và vợ chồng sống ly thân đến nay. Bà G thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Nguyễn Như T.

Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Như Anh Q, sinh ngày 21/6/2016. Hiện nay, con đang ở với bà G, khi ly hôn bà G yêu cầu trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông Nguyễn Như T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 750.000đ.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có

Theo các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Như T trình bày:

Ông T và bà G có quan hệ hôn nhân như bà G trình bày. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà G với điều kiện bà G giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi.

Ông T công nhận vợ chồng có 01 con chung như bà G trình bày. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Như Anh Q và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị G, cho bà G được ly hôn ông T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Như Anh Q, sinh ngày 21/6/2016 cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 750.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị G và ông Nguyễn Như T là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không còn không còn tình cảm với nhau. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên bà G yêu cầu ly hôn ông T; ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà G với điều kiện bà G giao con cho ông T trực tiếp nuôi.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án hoà giải để các bên đương sự về đoàn tụ chung sống nhưng không thành. Qua xác minh tại địa phương, mặc dù không rõ mâu thuẫn của vợ chồng nhưng xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau. Trước đây, bà G yêu cầu ly hôn ông T, Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ chung sống nhưng mâu thuẫn tiếp tục phát sinh. Lời khai của các đương sự thể hiện vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà G được ly hôn ông T.

[2] Về con chung:

Bà G và ông T có 01 con chung Nguyễn Như Anh Q, sinh ngày 21/6/2016. Bà G và ông T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn.

Xét điều kiện giao cho sau khi ly hôn thì thấy: Sau khi vợ chồng sống ly thân khoảng từ tháng 7/2017 đến nay thì con sống chung với bà G tại xã Đ, thị xã Đ. Hiện nay, con Nguyễn Như Anh Q còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Bà G có công việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần cho con, HĐXX thống nhất giao con Nguyễn Như Anh Q cho bà G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Cấp dưỡng nuôi con chung: bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Như Anh Q mỗi tháng là 750.000đ. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà G đối với ông T là có căn cứ pháp luật; mức yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng và khả năng thực hiện nghĩa vụ của người cấp dưỡng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà G, buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Như Anh Q mỗi tháng là 750.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 đến khi con Nguyễn Như Anh Q đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Như T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: bà G và ông T đều thống nhất khai không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí: bà Lê Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông Nguyễn Như T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị G đối với ông Nguyễn Như T. Bà Lê Thị G được ly hôn ông Nguyễn Như T.

2/ Về con chung: Giao con Nguyễn Như Anh Q, sinh ngày 21/6/2016 cho bà Lê Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Như T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Như Anh Q mỗi tháng là 750.000đ (bảy năm năm mươi nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 2/2018 đến khi con Nguyễn Như Anh Q đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Như T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008719, ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Lê Thị G đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Như T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong án, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự**.**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Sinh